

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 12 năm 2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Vị

Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Dương Mạnh Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ

-Bị đơn: Anh Đỗ Thái H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi Đăng ký HKTT: thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang chấp hành án tại Đội Bệnh xá, phân trại số 2, trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Thái H ngày 15/8/2007 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ). Sau khi cưới chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh H ngay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do anh H sống buông thả không chịu khó làm ăn, chơi bời lêu lổng, nên rơi vào con

đường nghiện ma túy, từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2021 anh H vi phạm pháp luật và bị xử về tội mua bán trái phép chất ma túy từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đỗ Tiến T, sinh ngày 18/10/2007, cháu Đỗ Đức T, sinh ngày 13/6/2016. Cháu T đã trưởng thành chị không đề nghị giải quyết. Cháu T còn nhỏ chị xin được nuôi cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị làm tự do thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Thái H vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết anh đề nghị xét xử vắng mặt anh vì anh đang đi chấp hành án, anh trình bày: Anh kết hôn với chị Đỗ Thị T ngày 15/8/2007 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị Thanh về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay, khoảng 01 năm thì ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2021 anh vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù tại đội bệnh xá phân trại số 2 Trại giam Vĩnh Quang. Nay chị T xin ly hôn anh xác định tình cảm vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ, nếu chị T muốn ly hôn thì đợi anh chấp hành án xong thì giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đỗ Tiến T, sinh ngày 18/10/2007, cháu Đỗ Đức T, sinh ngày 13/6/2016, hiện hai con đang ở cùng chị T. Nếu phải ly hôn cháu T đã trưởng thành anh không đề nghị giải quyết. Anh xin nuôi cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đang đi chấp hành án nếu được nuôi con thì anh nhờ gia đình anh nuôi cháu cho đến khi anh chấp hành xong hình phạt tù thì anh sẽ trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227,

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T: Xử cho chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Thái H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Đức T, sinh ngày 13/6/2016. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh H có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đỗ Thái H, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Thái H là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ). Theo chị T nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu là do anh H sống buông thả không chịu khó làm ăn, chơi bời lêu lổng, nên rơi vào con đường nghiện ma túy, từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2021 anh H vi phạm pháp luật và bị xử về tội mua bán trái phép chất ma túy từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh H. Theo anh H quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2021 anh vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù tại đội bệnh xá phân trại số 2 Trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an. Nay chị T xin ly hôn anh xác định tình cảm vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ, nếu chị T muốn ly hôn thì đợi anh chấp hành án xong thì giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, anh H xác định còn tình cảm với chị T nhưng anh cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ làm ăn chung sống, chị T kiên quyết ly hôn với anh H. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3] Về con chung: Vợ chồng có hai con Đỗ Tiến T, sinh ngày 18/10/2007, cháu Đỗ Đức T, sinh ngày 13/6/2016, hiện hai con đang ở cùng chị T. Cháu T đã trưởng thành anh chị không đề nghị giải quyết. Chị T xin nuôi cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh H xin nuôi cháu T do anh đi chấp hành án không thể trực tiếp nuôi con nhưng anh sẽ nhờ gia đình bố mẹ nuôi con hộ anh. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng hiện anh H đang chấp hành án tại đội bệnh xá phân trại số 2 Trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an không thể chăm sóc nuôi dưỡng con được. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu T nguyện vọng của cháu cũng xin được ở với mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho con nên giao cho chị T nuôi con. Việc chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T, anh H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Thái H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Đức T, sinh ngày 13/6/2016, hiện đang ở cùng chị. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh H có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T tự nguyện chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003453 ngày 13/10/ 2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị T nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-Phú Thọ;
- Cơ quan THA tỉnh Phú Thọ;
- Dương sự;
- UBND xã Liên Hòa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ